

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ về thanh toán vốn đầu tư công hỗ trợ các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 69/TTr-STC ngày 27 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 72 Phần I Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài chính trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm rà soát, cập nhật Quyết định này và các thủ tục hành chính nội bộ vào cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính (<https://csdl.dichvucong.gov.vn>).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-BTP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, pmtrang.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	6.006363	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc ủy Quyền cho Thủ trưởng sở ngành cấp tỉnh phê duyệt dự án cấp tỉnh quản lý. - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn cấp xã phê duyệt dự án cấp xã quản lý.
2	6.006364	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc quyết định phê duyệt lựa chọn dự án.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
3	6.006365	Thanh toán vốn đầu tư công hỗ trợ các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia	Kho bạc nhà nước	Kho bạc Nhà nước

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC nội bộ
1	6.006158	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quyết định số 94/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (mã TTHC: 6.006363)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan.

b) Cơ quan được giao thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị dự án liên kết theo quy định phân cấp phê duyệt lựa chọn dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất công khai kết quả đánh giá của Hội đồng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin của cơ quan quản lý dự án hoặc trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án do cấp tỉnh quản lý), trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý).

d) Căn cứ báo cáo đánh giá của Hội đồng lựa chọn dự án, hồ sơ đề xuất của cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở ngành cấp tỉnh phê duyệt dự án cấp tỉnh quản lý; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn cấp xã phê duyệt dự án cấp xã quản lý.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 04.

+ Nội dung dự án theo Mẫu số 05.

+ Bản thỏa thuận của đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 06.

- Cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bản sao hợp đồng liên kết có chứng thực; văn bản khác (nếu có) theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

1.4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian cụ thể giải quyết TTHC được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của từng cơ quan theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, việc công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau:

- Công khai kết quả đánh giá của Hội đồng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin của cơ quan quản lý dự án hoặc trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án do cấp tỉnh quản lý), trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Hội đồng.

- Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chủ trì liên kết trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết.

- Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn từng dự án.

1.5. Đối tượng thực hiện: Chủ trì liên kết (bao gồm: doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã).

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở ngành cấp tỉnh phê duyệt dự án cấp tỉnh quản lý.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn cấp xã phê duyệt dự án cấp xã quản lý.

1.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; thuyết minh nội dung dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết tương ứng Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định chuyên ngành.

- Dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

- Điều kiện khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

1.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên chủ trì liên kết đề xuất dự án:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số/Quyết định thành lập ngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia, (tên chủ trì liên kết đề xuất dự án)
 đề nghị⁽¹⁾ :

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô dự án:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Bảo đảm đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:....

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tên cơ quan trực thuộc thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

TÊN CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm ...

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Tên dự án.....

Phần I GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Thông tin chứng minh năng lực của chủ trì liên kết

3. Mức đóng góp vốn đối ứng của chủ trì liên kết

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN KẾT

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(Kèm theo biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và đơn vị tham gia liên kết).

3. Đơn vị liên kết thứ... : (Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

4. Số lượng người dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia dự án, liên kết

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô

II. NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

(Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;....)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án liên kết

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN
CỦA ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Ngày ... tháng ... năm ... , tại chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

3. Đơn vị liên kết thứ ... : (Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết (hay còn gọi là chủ đầu tư dự án liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Tên và thông tin đơn vị được cử

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết
3. Quy mô liên kết
4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch
2. Số vốn đề nghị hỗ trợ
3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ trì liên kết giữ bản.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng (mã TTHC: 6.006364)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, trên trang điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trình Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ đánh giá hồ sơ đề nghị dự án.

c) Cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ.

d) Căn cứ ý kiến của Tổ đánh giá dự án, đề xuất của cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc quyết định phê duyệt lựa chọn dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- + Đơn đề nghị theo Mẫu số 07;
- + Nội dung dự án theo Mẫu số 08;
- Biên bản họp dân và các tài liệu khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

2.4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian cụ thể giải quyết thủ tục hành chính được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của phòng chuyên môn cấp xã theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó:

- Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất dự án: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thời gian công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau:

- + Công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ.

- + Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của tổ, nhóm hộ, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chậm nhất không quá 05 ngày làm việc.

- + Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn dự án.

2.5. Đối tượng thực hiện: Tổ, nhóm cộng đồng.

2.6. Cơ quan giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc.

2.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất của cộng đồng; thuyết minh nội dung dự án phát triển sản xuất của cộng đồng tương ứng Mẫu số 07, Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định của chủ chương trình.

- Dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm thực hiện các dự án hoặc hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Hộ gia đình tham gia dự án phải bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết bảo đảm phần đối ứng thực hiện dự án.

- Điều kiện khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

2.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên đại diện cộng đồng dân cư:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Căn cứ thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của⁽¹⁾, tôi đại diện cho nhóm cộng đồng (nêu tên thành viên của nhóm) đề nghị⁽¹⁾ hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô dự án:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

5. Nội dung đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ; mức hỗ trợ theo từng nội dung cụ thể (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ theo từng nội dung đó)

Đề nghị hỗ trợ chi tiết các năm thực hiện dự án (nếu hỗ trợ trong nhiều năm).

6. Cam kết của nhóm cộng đồng

Chúng tôi gồm (tên cụ thể của đại diện nhóm cộng đồng và các thành viên) cam kết:

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

Bảo đảm đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm).

ĐẠI DIỆN NHÓM CỘNG ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THÀNH VIÊN THAM GIA

THÀNH VIÊN THỨ NHẤT	THÀNH VIÊN THỨ HAI	THÀNH VIÊN THỨ
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tên Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỦA CỘNG ĐỒNG

Tên dự án:

I. THÔNG TIN VỀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Danh sách các thành viên tham gia (gồm: họ tên, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
2. Thời gian triển khai:
3. Địa bàn thực hiện:

III. NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Các hoạt động của dự án:
- (Mô tả chi tiết nội dung của dự án)

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

IV. NGUỒN LỰC VÀ DỰ TOÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tổng nguồn lực thực hiện dự án (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)).
 2. Dự toán kinh phí thực hiện dự án chi tiết theo từng hoạt động của dự án
- (Kèm theo phụ lục thuyết minh chi tiết các tính toán, xác định dự toán, dự kiến nguồn vốn bố trí (ví dụ: vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn vay tín dụng, vốn tự có)).

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mô tả chi tiết dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án.

VI. PHƯƠNG ÁN TIÊU THỤ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Mô tả chi tiết kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM

1. Mô tả trách nhiệm của cơ quan, đơn vị; cộng đồng dân cư (chi tiết trách nhiệm từng thành viên tham gia).
2. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

VIII. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mô tả chi tiết kế hoạch tổ chức thực hiện dự án.

IX. CÁC NỘI DUNG KHÁC

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan khác (nếu có)

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)

THÀNH VIÊN THỨ NHẤT	THÀNH VIÊN THỨ HAI	THÀNH VIÊN THỨ
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Thanh toán vốn đầu tư công hỗ trợ các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia (mã TTHC: 6.006365)

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn cấp xã công khai thông tin chính sách, rà soát, đánh giá, tổng hợp danh sách đối tượng hỗ trợ có nhu cầu được hỗ trợ bảo đảm phù hợp với nội dung, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí theo quy định của từng chính sách, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ trước thời điểm cấp có thẩm quyền giao dự toán, kế hoạch vốn hằng năm cho cấp xã.

b) Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn là đơn vị kế toán, đơn vị dự toán ngân sách thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho từng đối tượng theo từng lần thanh toán.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại bộ phận văn thư.
- Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang (VNPT iOffice 5.0).
- Trường hợp đơn vị giao dịch không thể thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật dân sự thì thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện giao dịch trực tiếp.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị rút dự toán theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Bảng kê danh sách các đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ cho hộ gia đình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có ký xác nhận của đối tượng hỗ trợ hoặc người được đối tượng hỗ trợ ủy quyền hoặc chủ hộ gia đình theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm được cấp có thẩm quyền giao, danh sách các đối tượng hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chứng từ chuyển tiền, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn theo Mẫu số 04.a/TT; Giấy đề nghị thu hồi vốn đối với trường hợp thu hồi tạm ứng theo Mẫu số 04.b/TT; Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước theo Mẫu số 04.c/TT; Giấy rút vốn theo Mẫu số 05.a/TT ban hành kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

b) Số lượng hồ sơ: Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Kho bạc Nhà nước để rút dự toán thanh toán cho đối tượng hỗ trợ; 01 bộ lưu tại phòng chuyên môn cấp xã.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định, Kho bạc Nhà nước phải giải quyết thủ tục cho đơn vị giao dịch.

- Đối với các khoản tạm ứng vốn, thời hạn thanh toán trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện:

- Phòng chuyên môn cấp xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.
- Phòng chuyên môn là đơn vị kế toán, đơn vị dự toán ngân sách.

3.6. Cơ quan giải quyết: Kho bạc Nhà nước.

3.7. Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị tạm ứng, thanh toán, kết quả thủ tục hành chính là xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên chứng từ chuyển tiền (Giấy đề nghị thanh toán vốn; Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn; Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước; Giấy rút vốn).

Trường hợp Phòng chuyên môn là đơn vị kế toán, đơn vị dự toán ngân sách có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng: Kho bạc Nhà nước thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của Phòng chuyên môn là đơn vị kế toán, đơn vị dự toán ngân sách (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công).

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị rút dự toán, bảng kê danh sách các đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ cho hộ gia đình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có ký xác nhận của đối tượng hỗ trợ hoặc người được đối tượng hỗ trợ ủy quyền hoặc chủ hộ gia đình theo Mẫu số 02 và Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chứng từ chuyển tiền, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn theo Mẫu số 04.a/TT, Giấy đề nghị thu hồi vốn theo Mẫu số 04.b/TT, Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước theo Mẫu số 04.c/TT và Giấy rút vốn theo Mẫu số 05.a/TT ban hành kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: không có

3.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Các Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

Mẫu số 02

PHÒNG ... XÃ ...¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ RÚT DỰ TOÁN

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước²

Căn cứ Quyết định số /..... ngày ... tháng ... năm của về³;

Căn cứ⁴ văn bản xác nhận hoàn thành (nhiệm vụ theo tiến độ thực hiện chính sách theo quy định) giữa Phòng ⁽¹⁾ ...xã... và đối tượng hỗ trợ;

Phòng ... xã⁽¹⁾ đề nghị Kho bạc Nhà nước ...⁽²⁾ cho rút dự toán kế hoạch năm⁵ để thanh toán tiền hỗ trợ trực tiếp⁶ về⁷ cho đối tượng hỗ trợ theo Bảng kê⁸ đính kèm. Cụ thể:

- Tổng số vốn hỗ trợ cho đối tượng hỗ trợ:

- Số vốn đã thanh toán: (nếu có)

(bằng chữ:)

- Số vốn đề nghị thanh toán:

(bằng chữ:)

Phòng xã⁽¹⁾ chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đề nghị nêu trên.

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

² Tên Kho bạc Nhà nước nơi phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã mở tài khoản giao dịch

³ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ

⁴ Số lượng các văn bản xác nhận giữa phòng chuyên môn xã và đối tượng hỗ trợ về tiến độ thực hiện nội dung chính sách

⁵ Năm dự toán

⁶ Ghi rõ nội dung thanh toán là: thanh toán lần 1, lần 2 hoặc 01 lần duy nhất

⁷ Nội dung chính sách, ví dụ: hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất,.....

⁸ Bảng kê theo Mẫu số 03.

PHÒNG ... XÃ ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

BẢNG KÊ DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ VÀ MỨC HỖ TRỢ VỀ⁹

STT	Đối tượng hỗ trợ ¹⁰	Mức hỗ trợ theo quy định (Văn bản ...) ¹¹	Thanh toán lần đầu	Thanh toán sau (nếu có)	Tổng thanh toán	Chữ ký xác nhận ¹²	Ghi chú
1	2	3	$4=3 \times \text{tỷ lệ thanh toán}$ ¹³	$5 = 3-4$	$6=4+5$	7	8
	Tổng số						
1							
2							
...							

⁹ Nêu rõ tên chính sách hỗ trợ, ví dụ: đất ở, đất sản xuất, nhà ở,....¹⁰ Theo tên đối tượng hỗ trợ (chủ hộ gia đình, đối tượng cá nhân theo quy định từng chính sách).¹¹ Nêu rõ văn bản quy định về định mức hỗ trợ.¹² Chữ ký của đối tượng hỗ trợ hoặc người được đối tượng hỗ trợ ủy quyền¹³ Tỷ lệ thanh toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định.

Các Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ

Mẫu số 04.a/TT

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Năm ngân sách: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành/bảng kê giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
-------------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề					

nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng (bằng số): ...
- + Vốn trong nước: ...
- + Vốn nước ngoài: ...
- Thuế giá trị gia tăng: ...
- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...
- Chuyển tiền tạm giữ chờ quyết toán (bằng số): ...
- Số trả nhà thầu/đơn vị thực hiện (bằng số): ...
- + Vốn trong nước: ...
- + Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
------------------------------	---------	------------	--------------------

*(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)**Đơn vị: đồng/USD...*

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do : ...			

Ghi chú:...*..., ngày ... tháng ... năm ...*

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04.b/TT

Không ghi vào khu vực này
Mã QR code (nếu có)

Số:... Năm ngân sách:...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI VỐN

Tạm ứng sang thực chi ☐ **Ứng trước chưa đủ điều kiện ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT** ☐

Tên dự án:...

Chủ đầu tư:... Mã ĐVQHNS:...

Tài khoản:... tại cơ quan thanh toán:...

Tên CTMT, DA:...

Mã CTMT, DA: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn:... ngày .../.../....

Và số dư tạm ứng/ứng trước của dự án:...

Đề nghị cơ quan thanh toán ... thanh toán để thu hồi số tiền đã tạm ứng ☐ /ứng trước chưa đủ ĐKTT ☐ thành thực chi ☐/ứng trước đủ ĐKTT ☐ theo chi tiết sau:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số cơ quan thanh toán duyệt thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:...

Ngày... tháng... năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN THANH TOÁN GHI:

Số tiền bằng chữ :

Ngày... tháng... năm ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**THANH TOÁN**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**PHẦN CƠ QUAN
THANH TOÁN
GHI:**

Nợ TK:...

Có TK:...

Mã ĐBHC:...

Mẫu số 04.c/TT

Không ghi vào khu vực này
Mã QR code (nếu có)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI ỨNG
TRƯỚC VỐN
ĐẦU TƯ**

Số:... Năm ngân sách:...

Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang tạm
ứng ☐
Ứng trước đủ ĐKTT sang thực chi ☐

Căn cứ số dư ứng trước kinh phí đầu tư thuộc kế hoạch năm đến ngày .../.../... và Quyết
định giao kế hoạch vốn số: ngày của

Đề nghị cơ quan thanh toán chuyển Ứng trước chưa đủ ĐKTT ☐ / Ứng trước đủ
ĐKTT ☐ thành Tạm ứng ☐ / Thực chi ☐ theo chi tiết sau:

Tên dự án:

Chủ đầu tư: Mã ĐVQHNS:

Tài khoản: Tại cơ quan thanh toán:

Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:

STT	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư ứng trước	Số chuyển sang tạm ứng/ thực chi
Tổng cộng							

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

Ngày... tháng... năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN THANH TOÁN GHI

Tổng số tiền ghi bằng số:

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

Cơ quan thanh toán ghi:

Nợ TK

Có TK

Nợ TK

Có TK

Mã ĐBHC:

Ngày ...thángnăm

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05.a/TT

Số chứng từ.... Năm NS....

Không ghi vào khu vực này
Mã QR code (nếu có)

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi ☐ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
 Ứng trước đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt ☐
 Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ... Mã ĐVQHNS: ...

Địa chỉ:....

Tài khoản: ... Tại cơ quan thanh toán: ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày ... /... /

Nội dung thanh toán chung:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:...

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):...

Mã số thuế:.... Mã NDKT:.... Mã chương:....

Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo:....; Mã định danh hồ sơ hoặc khoản phải nộp (ID)^[1]:**CƠ QUAN THANH TOÁN GHI****1. Nộp thuế:**

Nợ TK:...

Có TK:...

Nợ TK: ...

Có TK:...

Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:

Số tài khoản thu NSNN^[2]: Cơ quan quản lý thu:

Cơ quan thanh toán hạch toán khoản thu:...

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền: ...

Tài khoản: ... Mã CTMT, DA và HTCT:...

Tại cơ quan thanh toán/NH: ...

Hoặc người nhận tiền:...

CCCD/Căn cước số:... Cấp ngày:... Nơi cấp:...

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

Nợ TK:...

Có TK: ...

Mã CQ thu:...

Mã ĐBHC:.....

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC:...

Tên Cơ quan thanh toán/NH
nơi nhận tiền mặt:.....

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LĨNH TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN TRƯỞNG LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ QUỸ

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ

QUAN THANH

TOÁN

(Ký, ghi họ tên, chức
vụ, đóng dấu)

^[1] Bao gồm cả trường hợp nộp thuế theo mã giao dịch điện tử (nộp trước khi phát sinh mã định danh khoản phải nộp). Trường hợp khoản thu có 2 thông tin gồm mã định danh hồ sơ hoặc khoản phải nộp hoặc mã giao dịch điện tử và cả số quyết định/Số thông báo thì ghi cả 2 thông tin này.

^[2] Trường hợp nộp NSNN ghi 7111.mã ĐBHC (hoặc 8993.ĐBHC đối với thu hồi hoàn thuế GTGT) theo thông báo, hướng dẫn của cơ quan thuế, hải quan. Đối với khoản thu NSNN không do cơ quan thuế, hải quan quản lý ghi 7111. Trường hợp nộp vào tài khoản chờ nộp NSNN/tạm thu ghi tài khoản của cơ quan thu mở tại cơ quan thanh toán.